

Số: 45/2020/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 26 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa:

Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1975; Hộ khẩu thường trú: Thôn T L, xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ: Tổ dân phố V N, thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Anh Lê Công Th, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1972; Địa chỉ: Thôn T L, xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1975; Hộ khẩu thường trú: Thôn T L, xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ: Tổ dân phố V N, thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế ;

Anh Lê Công Th, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1972; Địa chỉ: Thôn T L, xã P T, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế .

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung gồm:

1/ Lê Thị Thúy U, sinh ngày 03/5/1998 ;

2/ Lê Công U1, sinh ngày 01/3/2003;

3/ Lê Công T1, sinh ngày 15/5/2005

Đối với cháu Lê Thị Thúy U đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe, tự nuôi sống bản thân nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Trên cơ sở nguyện vọng của cháu U1 và T1, hai đương sự thỏa thuận: Giao cháu Lê Công U1 và Lê Công T1 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu U1 và T1 đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Cả hai đương sự xác nhận vợ chồng có một số tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận vợ chồng không có nợ chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008572 ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Điền. Chị T được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Phong thu
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Đạt